

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính số 2684/QĐ-BTNMT ngày 18/9/2023 và Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Thay thế 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh (số thứ tự 02 Phụ lục I, lĩnh vực tài nguyên nước) ban hành kèm theo Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Thay thế 16 thủ tục hành chính cấp tỉnh (số thứ tự từ 01 đến 12 và số thứ tự từ 14 đến 17 lĩnh vực khoáng sản, Mục I, Phần A) ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ
LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Kèm theo Quyết định số: 2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Thay thế 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh (số thứ tự 02 Phụ lục I, lĩnh vực tài nguyên nước) ban hành kèm theo Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã TTHC: 2.001738	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt.	Nộp hồ sơ trực tiếp: 700.000 đồng Nộp hồ sơ trực tuyến: 560.000 đồng	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT về hành nghề khoan nước dưới đất; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ TNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TNMT; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023 của Bộ trưởng Bộ TNMT sửa đổi một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên nước.

II. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

Thay thế 16 thủ tục hành chính cấp tỉnh (số thứ tự từ 01 đến 12 và số thứ tự từ 14 đến 17 lĩnh vực khoáng sản, Mục I, Phần A) ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Mã TTHC: 1.000778	75 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha): 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha: 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ

					lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/ TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Quyết định 1773/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.
02	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. Mã TTHC: 1.004481	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày

				hơn 100 hec-ta (ha): 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha: 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	22/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
03	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. Mã TTHC: 2.001814	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha): 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha: 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016
04	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm	Không	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;

	khu vực thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.005408		Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt		- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
05	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mã TTHC: 2.001787	75 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, cụ thể: - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Đến 01 tỷ đồng: 10.000.000 đồng; - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 01 đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) đồng ; - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 10 đến 20 tỷ đồng: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đồng; - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT):	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Quyết định 1773/QĐ-UBND ngày 03/10/2022;

				Trên 20 tỷ đồng: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) đồng	
06	Chấp thuận tiến hành khai sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.004083	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Không	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
07	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình Mã TTHC:1.004446	- Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 55 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 30 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	- Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư, công trình áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không mất phí, lệ phí.	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014; - Quyết định 1773/QĐ-UBND ngày 03/10/2022.

		xây dựng công trình: 50 ngày làm việc.			
08	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.004434	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ (Thực hiện theo quy định của Bộ TNMT tại Quyết định số 2901/QĐ- BTNMT)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt hoặc Trụ sở đơn vị đấu giá tài sản được lựa chọn.	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT- BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
09	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Mã TTHC: 1.004433	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ (Thực hiện theo quy định của Bộ TNMT tại Quyết định số 2901/QĐ- BTNMT)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt hoặc Trụ sở đơn vị đấu giá tài sản được lựa chọn.	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Nghị định số 22/2012 /NĐ-CP ngày 26/3/2012 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/ NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT- BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản Mã TTHC: 2.001783	40 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng	- Luật khoáng sản .năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày

				Bộ Tài chính	26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 03/10/2022.
11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản Mã TTHC: 1.004345	40 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016 /NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/ NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016 /TT-BTC ngày 08/11/2016; - Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 03/10/2022.
12	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản Mã TTHC: 1.004135	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Không	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 22/2023/ NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Quyết định 1773/QĐ-UBND ngày 03/10/2022.
13	Đóng cửa mỏ khoáng sản	78 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm	Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng	- Luật khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016;

	Mã TTHC: 1.004367		Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	cửa mở, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mở.	- Nghị định số 22/2023/ NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.
14	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Mã TTHC: 2.001781	33 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Luật khoáng sản năm 2010. - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08/11/2016.
15	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Mã TTHC: 1.004343	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Gia hạn khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật khoáng sản năm 2010. - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08/11/2016.

16	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Mã TTHC: 2.001777	21 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	Không	- Luật khoáng sản năm 2010. - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/ NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị định số 19/2015/ NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
----	--	------------------	--	-------	--